

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH B**

Bản án số: 13/2022/HNGĐ-PT

Ngày 06/5/2022

*“V/v Tranh chấp chia tài sản  
chung sau ly hôn”*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH B**

***-Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Hà.

*Các thẩm phán:* - Bà Hoàng Thị Hải Hương.

- Bà Hoàng Thị Thu Hiền.

***- Thư ký ghi biên bản phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Hồng Vân- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh B.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B tham gia phiên tòa:*** Bà Hà Thị Hải- Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 5 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh B xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 08/2022/TLPT-HNGĐ ngày 03/3/2022, về việc “Tranh chấp chia tài sản chung sau ly hôn”.

Do bản án sơ thẩm số 01/2022/HNGĐ-ST ngày 17/01/2022 của Tòa án nhân dân huyện Tân Y bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2022/QĐ-PT ngày 23/3/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2022/QĐ-PT ngày 07/4/2022, giữa các đương sự:

***\* Nguyên đơn:*** Anh Hoàng Văn H, sinh năm 1975 (Có mặt).

Cư trú: Thôn Chùa, xã Minh Đ, huyện Việt Y, tỉnh B.

***\* Bị đơn:*** Chị Hoàng Thị L, sinh năm 1976 (Có mặt).

Cư trú: Thôn Hợp Tiến, xã Ngọc V, huyện Tân Y, tỉnh B.

***\* Người làm chứng:***

- Anh Hoàng Văn Q, sinh năm 1982. (Vắng mặt).

- Chị Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1981. (Vắng mặt).

Đều cư trú: Thôn Hợp Tiến, xã Ngọc V, huyện Tân Y, tỉnh B.

- Anh Nguyễn Hợp T, sinh năm 1975. (Vắng mặt).

Cư trú: Dãy 13, khu Công Tiễn, phường Vệ A, thành phố Bắc N, tỉnh B.

***\* Người kháng cáo:*** Chị Hoàng Thị L- là bị đơn.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo Bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:*

\* Trong đơn khởi kiện ghi ngày 22/11/2021, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là anh Hoàng Văn H trình bày:

Anh kết hôn với chị Hoàng Thị L năm 2020. Sau khi kết hôn, anh chuyển về nhà riêng chị L tại Thôn Hợp Tiến, xã Ngọc V, huyện Tân Y, tỉnh B chung sống từ tháng 5/2020 đến tháng 10/2021. Trong quá trình chung sống tại nhà chị L thì anh có nghề băm huyết và làm thuốc nam. Hàng ngày, anh lên khu vực rừng xã Tam Tiến, huyện Yên Thế để chặt cây làm thuốc. Anh mang về băm, phơi cây thuốc, đóng túi bán cho khách hàng và băm huyết cho khách hàng. Do chị L không có nghề nghiệp nên hàng ngày phụ anh bán thuốc nam và thu tiền của khách. Toàn bộ thu nhập từ nghề bán thuốc nam, băm huyết của hai vợ chồng thì anh đưa hết cho chị L giữ và gửi tiền tiết kiệm được số tiền 251.000.000 đồng tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện Tân Y mang tên chủ tài khoản Hoàng Thị L, sinh năm 1976, cư trú: Thôn Hợp Tiến, xã Ngọc V, huyện Tân Y, tỉnh B, Giấy chứng minh nhân dân số 121223301 do Công an tỉnh B cấp ngày 14/10/2013. Đến ngày 29/10/2021 Tòa án nhân dân huyện Việt Y, tỉnh B đã ra Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 127/2021/QĐST-HNGĐ giải quyết cho anh và chị L ly hôn, anh và chị L chưa có con chung. Khi giải quyết ly hôn, vợ chồng anh chưa yêu cầu giải quyết về tài sản chung, công nợ.

Anh xác định trong tổng số 351.000.000 đồng gửi tiền tiết kiệm từ ngày 24/02/2021 đến ngày 13/8/2021 mang tên chị Hoàng Thị L thì có 100.000.000 đồng là tiền riêng của chị L, còn lại 251.000.000 đồng là tài sản chung của vợ chồng anh và chị L trong thời kỳ hôn nhân. Nay anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được hưởng số tiền 125.000.000 đồng trong tổng số 251.000.000 đồng tiết kiệm mà chị L đứng tên tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện Tân Y.

\* Tại biên bản lấy lời khai ngày 15/12/2021 và các lời khai tiếp theo, bị đơn là chị Hoàng Thị L trình bày:

Chị kết hôn với anh Hoàng Văn H ngày 16/11/2020. Sau khi kết hôn, anh H chuyển về nhà riêng chị tại Thôn Hợp Tiến, xã Ngọc V, huyện Tân Y, tỉnh B đi lại chung sống kết hôn từ ngày 16/11/2020 đến khi ly hôn ngày 29/10/2021 thì dọn khỏi nhà chị. Trong quá trình chung sống tại nhà chị thì anh H làm nghề băm huyết và chị làm thuốc nam, không có bằng cấp gì về nghề y. Chị làm nghề buôn bán bất

động sản, không có giấy phép kinh doanh bất động sản. Khi anh H bấm huyết cho khách thì chị là người thu tiền của khách đến bấm huyết từ tháng 11/2020 đến ngày 09/2021 được tổng số 20.000.000đồng, chị sử dụng số tiền này để mua thức ăn và chi tiêu hàng ngày. Từ tháng 11/2020 đến ngày 09/2021 thì hai vợ chồng chị không tiết kiệm được đồng nào, tài sản chung của vợ chồng không có gì.

Trong thời gian từ tháng 5/2020 đến ngày 24/11/2021 chị có 06 tài khoản tiền gửi tiết kiệm gửi tại Agribank chi nhánh huyện Tân Y gồm:

- + Ngày 24/02/2021 chị gửi 60.000.000đ, số TK 25066A4507473.
- + Ngày 03/03/2021 chị gửi 72.000.000đ, số TK 25066A4512467.
- + Ngày 17/05/2021 chị gửi 58.000.000đ, số TK 25066A4535007.
- + Ngày 14/06/2021 chị gửi 42.000.000đ, số TK 25066A4538346.
- + Ngày 13/08/2021 chị gửi 119.000.000đ, số TK 25066A4545870.
- + Ngày 18/11/2021 chị gửi 73.000.000đ, số TK 25066A1073626.

- Trong thời gian từ tháng 5/2020 đến nay chị có gửi tiền, rút tiền, thanh toán, nội dung giao dịch như sau:

+ Ngày 08/07/2020 chị tắt toán sổ tiết kiệm số tiền 63.582.200 đ, số TK 25066A4413718 gửi ngày 14/02/2020.

+ Ngày 24/02/2021 chị gửi 60.000.000đ

+ Ngày 03/03/2021 chị tắt toán sổ tiết kiệm số tiền 70.773.300 đồng, số TK 25066A4413718 gửi ngày 14/02/2020 và gửi lại 72.000.000đồng.

+ Ngày 17/05/2021 chị gửi 58.000.000đồng.

+ Ngày 14/06/2021 chị gửi 42.000.000đồng.

+ Ngày 13/08/2021 chị gửi 119.000.000đồng.

+ Ngày 17/09/2021 chị gửi 43.000.000đ, tiền mặt 41.000.000đ và 2.000.000đ rút từ tài khoản 2506205295919. Đến ngày 18/10/2021 chị tắt toán sổ và gửi 60.000.000đ (trong đó: có thêm 2.200.000đ tiền mặt và 14.800.000đ trong tài khoản). Đến ngày 18/11/2021 chị tắt toán sổ và gửi 73.000.000đ có 13.000.000đ tiền mặt.

+ Trong tài khoản 2506205295919 có phát sinh một số khoản tiền đến nhưng chị rút tại cây ATM.

- Đến thời điểm 24/11/2021 chị còn 06 sổ tiết kiệm còn số dư:

+ Ngày 24/02/2021 gửi 60.000.000đồng.

+ Ngày 03/03/2021 gửi 72.000.000đồng.

+ Ngày 17/05/2021 gửi 58.000.000đồng.

+ Ngày 14/06/2021 gửi 42.000.000đồng.

+ Ngày 13/08/2021 gửi 119.000.000đồng.

+ Ngày 18/11/2021 gửi 73.000.000đồng.

Từ tháng 11/2020 đến ngày 28/10/2021 thì nguồn gốc số tiền gửi Ngân hàng nông nghiệp chi nhánh Tân Yên như sau:

- + Ngày 24/02/2021 chị gửi 60.000.000đ, số TK 25066A4507473.
- + Ngày 03/03/2021 chị gửi 72.000.000đ, số TK 25066A4512467.
- + Ngày 17/05/2021 chị gửi 58.000.000đ, số TK 25066A4535007.
- + Ngày 14/06/2021 chị gửi 42.000.000đ, số TK 25066A4538346.
- + Ngày 13/08/2021 chị gửi 119.000.000đ, số TK 25066A4545870.

- Số tiền 351.000.000đồng gửi tiết kiệm trên có nguồn gốc như sau: Chị có mảnh đất tại bản Tràng Bắn, xã Đồng Vương, huyện Yên Thế, tỉnh B. Chị đã bán mảnh đất này và rút tiền tiết kiệm tại Quỹ tín dụng xã Đông Lễ, huyện Hiệp Hòa để cho em trai là Hoàng Văn Q vay sau đó anh Q chuyển trả cho chị số tiền tại Ngân hàng như trên. Chị kinh doanh bất động sản tiết kiệm được số tiền trên từ năm 2009 nên đây là tài sản riêng của chị, không phải là tài sản chung của chị với anh H.

Đến ngày 29/10/2021 Tòa án nhân dân huyện Việt Y, tỉnh B đã ra Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 127/2021/QĐST-HNGĐ giải quyết cho chị và anh H ly hôn, vợ chồng chị chưa có con chung. Khi giải quyết ly hôn, vợ chồng chị chưa yêu cầu giải quyết về tài sản chung, công nợ.

Thời gian chung sống kết hôn với anh H từ ngày 16/11/2020 đến khi ly hôn ngày 29/10/2021 thì anh H dọn khỏi nhà chị. Chị xác định tổng số 251.000.000 đồng không phải là tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân như anh H trình bày. Nay chị không đồng ý giải quyết cho anh H được hưởng số tiền tiết kiệm là 125.000.000 đồng trong tổng số 351.000.000 đồng mà chị đứng tên tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện Tân Y từ ngày 24/02/2021 đến ngày 13/08/2021 vì là tài sản riêng của chị.

\* Tại bản tự khai ghi ngày 17/12/2021 người làm chứng là anh Hoàng Văn Q trình bày:

Anh là em trai của chị Hoàng Thị L, ngày 06/5/2016 chị L có bán một mảnh đất thổ cư tại bản Tràng Bắn, xã Đồng Vương, huyện Yên Thế với số tiền là 150.000.000 đồng cho anh vay để chăn nuôi. Đến tháng 5/2016, chị L rút số tiền 200.000.000đồng ở Quỹ tín dụng xã Đông Lễ, huyện Hiệp Hòa cho anh vay để làm kinh tế. Ngày 24/02/2021, anh đã trả được 60.000.000 đồng, ngày 03/3/2021 anh trả được 72.000.000 đồng, ngày 17/3/2021 anh trả được 58.000.000 đồng, ngày 14/6/2021 anh trả được 42.000.000 đồng, ngày 13/8/2021 anh trả 118.000.000 đồng. Tổng số tiền anh đã trả là 350.000.000 đồng.

\* Tại văn bản ý kiến của người làm chứng ghi ngày 22/12/2021 người làm chứng là anh Nguyễn Hợp T trình bày:

Anh biết chị Hoàng Thị L, sinh năm 1976 có địa chỉ thường trú tại: Thôn Hợp Tiến, xã Ngọc V, huyện Tân Y, tỉnh B. Anh biết chị L từ năm 2018 do được giới thiệu vì chị L bốc thuốc nam chữa các bệnh về gan. Anh tìm hiểu và được biết chị L có trồng cây thuốc và lên rừng hái thuốc về tự phơi để bốc làm phúc cho người có bệnh. Do khi đó anh và người thân đang có bệnh nên đã liên hệ chị L để được tư vấn và lấy thuốc, chị L là người trực tiếp trồng thuốc, đi hái thuốc và bốc thuốc. Anh chỉ lấy thuốc qua chị L, anh khẳng định chị L là người trực tiếp trồng, đi hái thuốc, bốc thuốc chứ không phải là anh H. Anh H chỉ phụ giúp chị L, vì chuyên ngành chính của anh H là bấm huyệt trị liệu.

Anh chứng thực nội dung: Anh là người trực tiếp được chị L bốc thuốc. trước khi lấy anh H, chị L đã có nghề bốc thuốc cứu người, anh H là người phụ giúp chị L.

Tại biên bản xác minh ngày 16/12/2021, bà Hoàng Thị Thơm là Trưởng thôn Hợp Tiến, xã Ngọc V cung cấp: Anh Hoàng Văn H, sinh năm 1975 và chị Hoàng Thị L, sinh năm 1976 trước đây là vợ chồng và có cư trú tại: Thôn Hợp Tiến, xã Ngọc V, huyện Tân Y, tỉnh B. Trong quá trình chung sống tại nhà chị L thì anh H làm nghề bấm huyệt và làm thuốc nam. Hàng ngày anh H lên rừng chặt cây làm thuốc về băm, phơi cây thuốc đóng túi bán cho khách hàng và bấm huyệt cho khách. Do chị L không có nghề nghiệp gì nên hàng ngày phụ anh H bán thuốc nam và thu tiền của khách. Trong khoảng thời gian từ tháng 5/2020 đến tháng 10/2021, chị Hoàng Thị L không có nghề nghiệp, thu nhập gì khác.

Với nội dung trên Bản án sơ thẩm số 02/2022/HNGĐ-ST ngày 17/01/2022 của Tòa án nhân dân huyện Tân Y đã xử:

\* Căn cứ Khoản 1 khoản 2 khoản 3 Điều 33; Điều 59 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 147; khoản 1 khoản 2 Điều 229; Điều 271; Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Hoàng Văn H.

2. Buộc chị Hoàng Thị L có nghĩa vụ trích chia cho anh Hoàng Văn H tổng số tiền là: 125.000.000đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về lãi suất chậm thi hành án, chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Ngày 21/01/2022, chị Hoàng Thị L là bị đơn kháng cáo. Nội dung kháng cáo: Chị không đồng ý bản án Tòa án nhân dân huyện Tân Y đã xét xử buộc chị phải trả cho anh H số tiền 125.000.000đồng, số tiền tiết kiệm là tài sản riêng của chị. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án theo hướng xác định số tiết kiệm 351.000.000đồng là tài sản riêng của chị, không phải là tài sản chung của vợ chồng và chị được quyền sở hữu toàn bộ số tiền tiết kiệm này.

*Tại phiên tòa phúc thẩm:* Nguyên đơn là anh Hoàng Văn H không rút đơn khởi kiện; Bị đơn là chị Hoàng Thị L không rút đơn kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

\* Bị đơn là chị Hoàng Thị L trình bày: Chị không đồng ý với nội dung bản án sơ thẩm, vì toàn bộ số tiền tiết kiệm là tài sản riêng của chị có trước thời kỳ hôn nhân với anh H, nên chị không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của anh H, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, xác định toàn bộ số tiền 351.000.000đồng là tài sản riêng của chị. Chị đã cung cấp toàn bộ bản sao kê tại Ngân hàng cho Hội đồng xét xử, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

\* Nguyên đơn là anh Hoàng Văn H trình bày: Anh không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của chị L. Trong quá trình chung sống, số tiền anh làm được chị L đều giữ hết nên anh đề nghị chia số tiền trong thời kỳ hôn nhân của anh và chị L. Đối với số tiền 72.000.000đồng chị L gửi ngày 03/3/2021 anh xác định là tài sản riêng của chị L gửi từ trước thời kỳ hôn nhân giữa anh và chị L nên anh không yêu cầu chia số tiền này nữa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đảm bảo đúng quy định pháp luật; Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự. Chấp nhận kháng cáo của chị L sửa bản án sơ thẩm về việc chia tài sản chung, xác nhận tài sản chung của anh H, chị L trong thời kỳ hôn nhân là số tiền 251.000.000đồng- 72.000.000đồng (số tiền 70.733.300đồng chị L gửi ngân hàng ngày 14/02/2022 là thời gian trước khi kết hôn với anh H, ngày 03/3/2021 chị L tất toán sổ tiết kiệm và gửi lại 72.000.000đồng xác định là tài sản riêng của chị L) = 179.000.000đồng. Vậy tài sản chung còn lại được chia 179.000.000đồng. Nhưng xét công sức đóng góp vào khối tài sản chung nên trích chia cho chị L nhiều hơn 70% giá trị tài sản tương đương 125.300.000đồng, trích chia cho anh H 30% giá trị tài sản tương đương 53.700.000đồng.

Án phí: Tòa cấp sơ thẩm không tuyên buộc chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là thiếu sót. Do sửa án sơ thẩm, nên đề nghị sửa lại án phí dân sự sơ thẩm. Các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, ý kiến của kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:*

[1]. Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của chị Hoàng Thị L được nộp trong thời hạn quy định của pháp luật và nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo đúng quy định tại Điều 271; Điều 272; Điều 273; Điều 276 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 6; Điều 27; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Do đó, kháng cáo của anh chị L là hợp lệ và HĐXX chấp nhận xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh H có yêu cầu chia tài sản chung sau khi ly hôn với chị L nên đây là vụ án tranh chấp về “tranh chấp chia tài sản chung sau khi ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; Về thẩm quyền: Anh H yêu cầu chia tài sản với chị L, chị L cư trú tại xã Ngọc V, huyện Tân Y nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Tân Y theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Trên cơ sở đó, Tòa án nhân dân huyện Tân Y đã thụ lý, giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật.

[3]. Về nội dung:

[3.1]. Xét kháng cáo của chị Hoàng Thị L về việc không đồng ý chia tài sản chung, xác định toàn bộ số tiền 351.000.000đồng là tiền riêng của chị, Hội đồng xét xử xét thấy:

Anh Hoàng Văn H kết hôn chị Hoàng Thị L ngày 16/11/2020 tại UBND xã Ngọc V, huyện Tân Y, tỉnh B. Đến ngày 29/10/2021 Tòa án nhân dân huyện Việt Y, tỉnh B ra Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số: 175/2021/QĐST-HNGĐ chấm dứt quan hệ hôn nhân. Tài sản chung vợ chồng giữa anh H, chị L phát sinh trong thời kỳ hôn nhân mà anh H yêu cầu trích chia là 125.000.000đồng trong tổng số tiền 251.000.000đồng tiền gửi tiết kiệm từ ngày 24/2/2021 đến ngày 13/8/2021.

Căn cứ vào Văn bản số: 538/NHN<sub>0</sub>.TYBG ngày 26/11/2021 của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, Chi nhánh huyện Tân Y thì các khoản tiền gửi tiết kiệm mang tên chị Hoàng Thị L trong thời kỳ hôn nhân gồm:

- Trong thời gian từ tháng 5/2020 đến 24/11/2021 chị Hoàng Thị L có 06 tài khoản tiền gửi tiết kiệm gửi tại Agribank chi nhánh huyện Tân Y:

- + Ngày 24/02/2021 chị L gửi 60.000.000đ, số TK 25066A4507473.
- + Ngày 03/03/2021 chị L gửi 72.000.000đ, số TK 25066A4512467.
- + Ngày 17/05/2021 chị L gửi 58.000.000đ, số TK 25066A4535007.
- + Ngày 14/06/2021 chị L gửi 42.000.000đ, số TK 25066A4538346.
- + Ngày 13/08/2021 chị L gửi 119.000.000đ, số TK 25066A4545870.
- + Ngày 18/11/2021 chị L gửi 73.000.000đ, số TK 25066A1073626.

- Trong thời gian từ tháng 5/2020 đến nay chị L có gửi tiền, rút tiền, thanh toán, nội dung giao dịch như sau:

+ Ngày 08/07/2020 chị L tất toán sổ tiết kiệm số tiền 63.582.200 đ, số TK 25066A4413718 gửi ngày 14/02/2020.

+ Ngày 24/02/2021 chị L gửi 60.000.000 đ

+ Ngày 03/03/2021 chị L tất toán sổ tiết kiệm số tiền 70.773.300 đ, số TK 25066A4413718 gửi ngày 14/02/2020 và gửi lại 72.000.000 đ

+ Ngày 17/05/2021 chị L gửi 58.000.000 đ

+ Ngày 14/06/2021 chị L gửi 42.000.000 đ

+ Ngày 13/08/2021 chị L gửi 119.000.000 đ

+ Ngày 17/09/2021 chị L gửi 43.000.000 đ, tiền mặt 41.000.000 đ và 2.000.000 đ rút từ tài khoản 2506205295919. Đến ngày 18/10/2021 chị L tất toán sổ và gửi 60.000.000đ (trong đó: có thêm 2.200.000đ tiền mặt và 14.800.000đ trong tài khoản). Đến ngày 18/11/2021 chị L tất toán sổ và gửi 73.000.000đ có 13.000.000đ tiền mặt.

+ Trong tài khoản 2506205295919 có phát sinh một số khoản tiền đến nhưng chị L rút tại cây ATM.

- Đến thời điểm 24/11/2021 chị L còn 06 sổ tiết kiệm còn số dư:

+ Ngày 24/02/2021 gửi 60.000.000đ

+ Ngày 03/03/2021 gửi 72.000.000đ

+ Ngày 17/05/2021 gửi 58.000.000đ

+ Ngày 14/06/2021 gửi 42.000.000đ

+ Ngày 13/08/2021 gửi 119.000.000đ

+ Ngày 18/11/2021 gửi 73.000.000đ

Chị L xác định toàn bộ nguồn tiền gửi tiết kiệm 351.000.000đồng từ ngày 24/02/2021 đến ngày 13/8/2021 có được do chị bán mảnh đất tại bản Trảng Bắn, xã Đồng Vương, huyện Yên Thế, tỉnh B. Chị đã bán mảnh đất này được 150.000.000 đồng và rút tiền tiết kiệm tại Quỹ tín dụng xã Đông Lỗ, huyện Hiệp Hòa 200.000.000 đồng. Sau đó tổng số tiền 350.000.000 đồng này chị L cho em trai là Hoàng Văn Q vay sau đó anh Q trả lại cho chị L toàn bộ 350.000.000đồng để chị L gửi tiết kiệm tại Ngân hàng nông nghiệp chi nhánh huyện Tân Y. Tuy nhiên, chị L không có căn cứ chứng minh về nội dung này.

Tại Biên bản hòa giải ngày 16/12/2021 và tại phiên tòa anh H thừa nhận trong tổng số 351.000.000 đồng tiền gửi tiết kiệm từ ngày 24/02/2021 đến ngày 13/8/2021 trong thời kỳ hôn nhân thì khoản tiền gửi 119.000.000 đồng ngày 13/8/2021 thì có 100.000.000đồng là tiền riêng của chị L nên cần xác nhận số tiền riêng này của chị L.

Đối với khoản tiền chị L 72.000.000đ gửi ngày 03/3/2021 là do chị L tất toán sổ tiết kiệm số tiền 70.773.300đồng, số TK 25066A4413718 gửi ngày 14/02/2020

và gửi lại 72.000.000đồng, thời điểm ngày 14/02/2020 chị L chưa kết hôn với anh H nên cần xác nhận số tiền này là tài sản riêng của chị L có trước thời kỳ hôn nhân. Tòa án cấp sơ thẩm xác định cả số tiền 72.000.000đồng chị L gửi ngân hàng ngày 03/3/2021 là tài sản chung và chia cho anh H là chưa chính xác. Tại phiên tòa phúc thẩm anh H cũng xác nhận đây là khoản tiền riêng của chị L có trước thời kỳ hôn nhân và không yêu cầu chia nên xác định khoản tiền 72.000.000đồng là tiền riêng của chị L.

Vì vậy, xác định tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân giữa chị L và anh H bao gồm: 351.000.000đồng – 100.000.000đồng (tiền riêng chị L gửi ngày 13/8/2021) - 72.000.000đồng (tiền riêng chị L tất toán sổ tiết kiệm ngày 14/02/2020 và gửi vào ngày 03/3/2021) = 179.000.000đồng là tiền gửi tiết kiệm từ ngày 24/02/2021 đến ngày 13/8/2021 tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện Tân Yên mang tên chủ tài khoản Hoàng Thị L là tài sản chung của vợ chồng anh H, chị L do lao động, hoạt động sản xuất, kinh doanh trong thời kỳ hôn nhân của anh H, chị L mà có và phù hợp khoản 1 khoản 2 khoản 3 Điều 33 luật Hôn nhân và gia đình.

Tuy nhiên, xét thấy chị L có tiền gửi ngân hàng từ trước khi kết hôn với anh H, thời gian kết hôn đến khi ly hôn mới có 11 tháng. Sau khi kết hôn anh H về ở tại nhà chị L vợ chồng kinh doanh thuốc nam tại gia đình chị L, chị L có nghề bốc thuốc Nam từ trước, chị L là phụ nữ đang mang thai, toàn bộ số tiền gửi tiết kiệm là do chị L đi gửi và đứng tên, tại phiên tòa cả anh H và chị L đều xác nhận nội dung này, nên cần xác định chị L có công sức nhiều hơn đối với khoản tiền gửi tiết kiệm trong thời kỳ hôn nhân. Tòa án cấp sơ thẩm xác định và chia cho anh H 50% giá trị tài sản chung là chưa xem xét đến công sức đóng góp của các bên vào khối tài sản chung.

Do vậy, kháng cáo của chị L là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của chị L, cần chia cho chị L nhiều hơn anh H, chia cho chị L 70% giá trị tài sản chung tương đương 125.300.000đồng và buộc chị L phải trích chia cho anh H 30% giá trị tài sản chung với số tiền 53.700.000đồng.

[3.2]. Từ nhận định, phân tích trên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Chấp nhận một phần kháng cáo của chị Hoàng Thị L, sửa bản bản án sơ thẩm về việc chia tài sản chung.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Do sửa án sơ thẩm về phần chia tài sản chung nên án phí sơ thẩm được tính lại theo quy định.

Án sơ thẩm tuyên chia tài sản chung là số tiền 251.000.000đồng, chia cho anh H  $\frac{1}{2}$  số tiền trên và buộc anh H phải chịu án phí đối với phần tài sản được nhận, nhưng không tuyên buộc chị L phải chịu án phí là thiếu sót, không đúng hướng dẫn tại quy định tại điểm b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, cần rút kinh nghiệm.

Án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên chị L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Trả lại chị L tiền tạm ứng án phí đã nộp.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự. Chấp nhận một phần kháng cáo của chị Hoàng Thị L. Sửa bản án sơ thẩm số 01/2022/HNGĐ-ST ngày 17/01/2022 của Tòa án nhân dân huyện Tân Y, xử:

Căn cứ khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 33; Điều 59 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 147; khoản 1 khoản 2 Điều 229; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Hoàng Văn H.

2. Buộc chị Hoàng Thị L có nghĩa vụ trích chia cho anh Hoàng Văn H tổng số tiền là: 53.700.000đồng. (Năm mươi ba triệu bảy trăm nghìn đồng).

3. Về lãi suất chậm thi hành án: Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, mà người phải thi hành án không trả được, hoặc trả không đầy đủ số tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả, tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự cho đến khi thi hành xong.

4. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Hoàng Văn H phải chịu 2.685.000đồng (Hai triệu sáu trăm tám lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp là 3.125.000 đồng theo biên lai số 0011365 ngày 24/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Y, tỉnh B; Trả lại anh Hoàng Văn H số tiền 440.000đồng.

Buộc chị Hoàng Thị L phải chịu 6.265.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Án phí dân sự phúc thẩm:

Chị L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Trả lại chị Hoàng Thị L số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0011496 ngày 25/01/2022 tại Chi cục thi hành án huyện Tân Y.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- TAND huyện Tân Y;
- VKSND tỉnh B;
- Chi cục THADS huyện Tân Y;
- Cổng thông tin điện tử TANDTC;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Hà**

**CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hoàng Thị Thu Hiền**

**Hoàng Thị Hải Hương**

**Trần Thị Hà**





